

LÊ CHÍ HÊN

\*\*\*

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
của Cơ sở chăn nuôi gia công gà thịt Lê Chí Hên

CHỦ CƠ SỞ



LÊ CHÍ HÊN

*An Phú Tân, tháng 11 năm 2022*

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ .....	v
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	1
1. Tên chủ cơ sở:.....	1
2. Tên cơ sở: .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở .....	2
3.1. Công suất của cơ sở:.....	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	3
4.1. Nhu cầu sử dụng phế liệu: .....	3
4.2. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu: .....	3
4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất, thuốc thú y: .....	4
4.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:.....	4
4.5. Nhu cầu sử dụng điện: .....	4
4.6. Nhu cầu sử dụng nước: .....	4
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	5
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: .....	5
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường: .....	5
Chương III HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN CƠ SỞ .....	6
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật .....	6
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của cơ sở.....	6
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện Cơ sở	6
3.1. Kết quả thử nghiệm tiếng ồn và không khí xung quanh .....	6
3.2. Kết quả thử nghiệm mẫu nước mặt .....	7
Chương IV ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ .....	8
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	8
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng Cơ sở.....	8
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	8
1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại .....	8
1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	9
1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	10
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn cơ sở đi	

vào vận hành.....	10
2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	10
2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	15
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn.....	18
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường .....	20
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	21
2.5.1. Phòng ngừa sự cố cháy, nổ.....	21
2.5.2. Đảm bảo an toàn lao động.....	21
2.5.3. Biện pháp phòng chống dịch bệnh.....	21
2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi (nếu có):.....	22
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	22
3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở.....	22
3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.....	22
3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	22
3.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	22
3.5. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	23
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo .....	23
<b>Chương V NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>24</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	24
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	25
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.....	25
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):.....	25
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):.....	25
<b>Chương VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>26</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở .....	26
2. Chương trình quan trắc chất thải .....	26
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	26
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	26
2.3. Hoạt động quan trắc định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở.....	26
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm .....	26
<b>Chương VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>27</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO .....</b>	<b>28</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Ý nghĩa</b>
NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
TT	Thông tư
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
UBND	Ủy ban nhân dân
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRSXTT	Chất thải rắn sản xuất thông thường
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
STT	Số thứ tự
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

**DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ**

Hình 1: Sơ đồ quy trình nuôi gà thịt của cơ sở.....	2
Hình 2: Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại .....	12
Hình 3: Bản vẽ mặt cắt hầm tự hoại.....	13
Hình 4: Sơ đồ quy trình xử lý nước thải chăn nuôi của cơ sở.....	14
Hình 5: Quy trình xử lý bụi, mùi hôi sau quạt hút .....	16

## Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Lê Chí Hên
- Địa chỉ văn phòng: ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Lê Chí Hên
- Điện thoại: 0372.916.185

### 2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: Cơ sở chăn nuôi gia công gà thịt Lê Chí Hên
- Địa điểm cơ sở: ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.
- Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:
  - + Phía Đông giáp đất vườn;
  - + Phía Bắc giáp đất vườn;
  - + Phía Tây giáp đất vườn;
  - + Phía Nam giáp: kênh;
- Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở:

*Bảng 1: Tọa độ các điểm kép góc ranh giới của cơ sở*

STT	Vị trí	Tọa độ VN-2000	
		Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
1	A	554117.7830	1094386.8117
2	B	554299.6387	1094515.3785
3	C	554288.6501	1094530.0719
4	D	554105.6950	1094436.8117

- Đơn xin xây dựng Cơ sở chăn nuôi gia công gà thịt tại xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân xác nhận ngày 05/9/2022;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 226, tờ bản đồ số: 31 với diện tích 4.510,4 m<sup>2</sup>

- Quy mô của Cơ sở (phân loại theo công suất của Cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường):

+ Quy mô hoạt động của cơ sở: Cơ sở được thiết kế gồm 02 dãy chuồng, 01 tầng tổng diện tích xây dựng 2.000 m<sup>2</sup> (Chuồng trại chăn nuôi 1.920 m<sup>2</sup>, nhà ở nhân viên và kho: 80 m<sup>2</sup>) khu vực còn lại là: sân đường, cây xanh và mặt nước.

+ Công suất của Cơ sở: 19.000 con gà thịt/đợt nuôi (tương đương 95 đơn vị vật nuôi/đợt nuôi);

+ Cơ sở thuộc nhóm III, theo quy định tại STT 1 Mục I Phụ lục V và STT 16 mục III phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (Cơ sở có công suất nhỏ: từ 10 đến dưới 100 đơn vị vật nuôi, không có yếu tố nhạy cảm về môi trường);

+ Cơ sở pháp lý lập giấy phép môi trường: Căn cứ điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND huyện Cầu Kè.

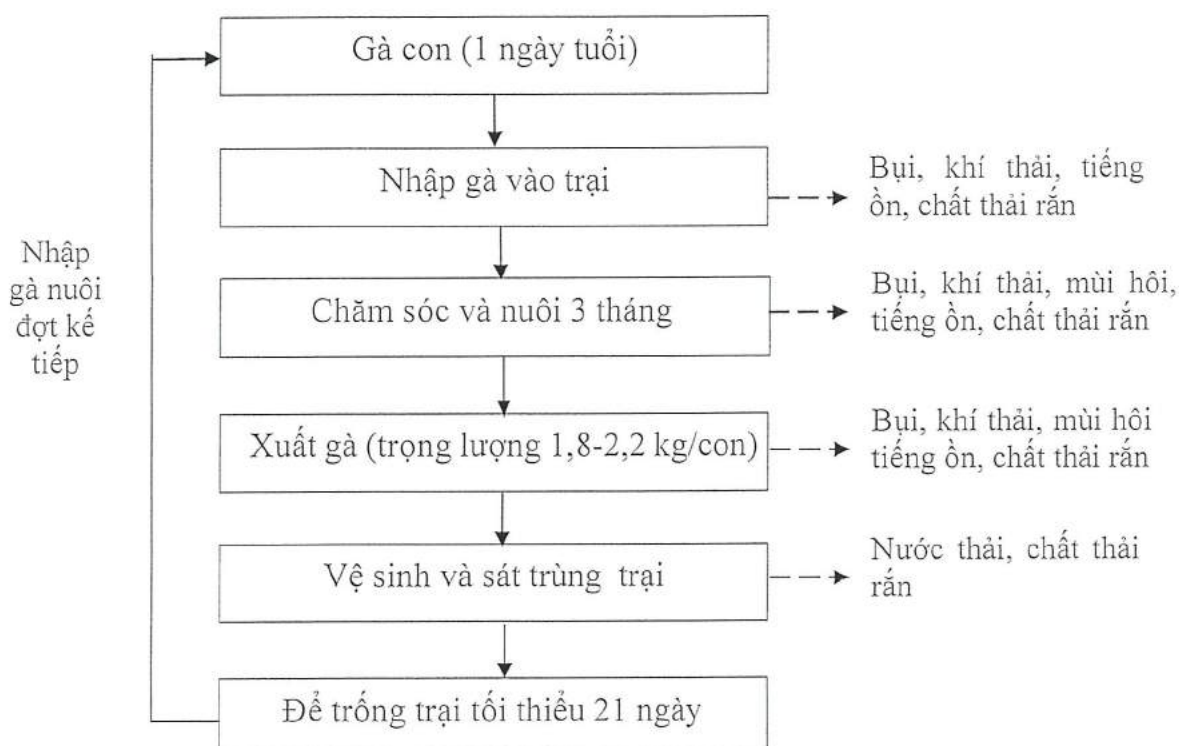
### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

#### 3.1. Công suất của cơ sở:

Nuôi gà thịt gia công với 2 trại gà thịt/đợt, bình quân mỗi đợt nuôi khoảng 3 tháng, mỗi năm nuôi 2 đợt.

#### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình chăn nuôi của cơ sở thể hiện cụ thể qua sơ đồ sau:



Hình 1: Sơ đồ quy trình nuôi gà thịt của cơ sở

\* **Các hạng mục công trình của cơ sở:** Cơ sở có qui mô nhỏ do đó các hạng mục công trình không nhiều, các hạng mục công trình của cơ sở bao gồm:

- **Hạng mục công trình chính**

+ Chuồng trại chăn nuôi: 1.920 m<sup>2</sup>

+ Nhà ở nhân viên và kho: 80 m<sup>2</sup>

+ Khu vực còn lại là 2.510,4 m<sup>2</sup> gồm: sân đường, cây xanh và mặt nước.

- **Các hạng mục công trình phụ trợ, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường**

Loại hình hoạt động của dự án là chăn nuôi gà thịt nguồn thải chủ yếu là phân gà, do sử dụng đệm lót do đó hàng ngày không thải vào môi trường, nên trong quá trình hoạt động không phát sinh nhiều nguồn thải, chủ yếu là chất thải sinh hoạt và mùi hôi, do đó không có hạng mục công trình bảo vệ môi trường nào lớn. Hạng mục xử lý chất thải tại cơ sở là hầm tự hoại, hạng mục trồng cây xanh xung quanh khu vực trại.

- **Máy móc thiết bị**

Đặc điểm của cơ sở là nuôi gia công gà thịt, do đó cơ sở không sử dụng nhiều máy móc, thiết bị. Thiết bị của cơ sở thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 2: Máy móc thiết bị cơ sở*

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
01	Hệ thống lai nước	Hệ thống	04
02	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	03
03	Mô tơ	Cái	02
04	Quạt hút	Cái	04

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Khoảng 3 tháng Cơ sở xuất ra thị trường khoảng 19.000 con gà thịt (76 tấn/năm).

### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

#### 4.1. Nhu cầu sử dụng phế liệu:

Không sử dụng phế liệu.

#### 4.2. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu:

- Gà con: với qui mô chuồng trại được xây dựng mỗi lứa nuôi cần 19.000 con giống cho 01 lứa nuôi. Con giống được cung cấp bởi các công ty trong và ngoài tỉnh.

- Thức ăn: thức ăn công nghiệp là nguyên liệu được Cơ sở sử dụng chăn nuôi gà thịt gia công, nhu cầu thức ăn trong quá trình chăn nuôi sẽ tăng lên theo tỷ trọng của gà, tổng lượng thức ăn cung cấp cho 01 vụ thả nuôi (03 tháng) khoảng 40 tấn (80 tấn/năm).

- Trấu lót nền trại: khoảng 10 tấn/năm.



**4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất, thuốc thú y:**

*Bảng 3: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, hóa chất của cơ sở*

STT	Tên thuốc thú y, hóa chất	Đơn vị tính	Số lượng
<b>Thuốc phòng trị bệnh</b>			
1	Vitamin soluble	Kg/năm	2 – 3
2	IB (H120)	Lít/năm	1 – 2
3	IBD	Lít/năm	2 – 3
<b>Thuốc sát khuẩn, khử trùng</b>			
1	Formol	Lít/năm	20 - 30
2	Vôi bột	Tấn/năm	1,5 – 2
3	Thuốc diệt ruồi snip	Kg/năm	3 – 4
4	Chế phẩm sinh học	Lít/năm	50
5	Chlorine	Kg/năm	2

**4.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:**

Dầu DO cấp cho máy phát điện, khoảng 0,2 tấn/năm.

**4.5. Nhu cầu sử dụng điện:**

Hoạt động của cơ sở sử dụng khoảng 700 kWh/tháng, nguồn điện được cung cấp chủ yếu từ lưới điện quốc gia đảm bảo cho sản xuất.

**4.6. Nhu cầu sử dụng nước:**

- *Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân:* Tổng số lao động là 5 người, nhu cầu sử dụng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.

- *Nước cấp cho hoạt động sản xuất:* Khối lượng nước sử dụng cho sản xuất khoảng 6,4 m<sup>3</sup>/ngày. Trong đó:

- + Nước cho gà uống: 2 m<sup>3</sup>/ngày.
- + Nước cấp bổ sung cho hệ thống làm mát: 1,2 m<sup>3</sup>/ngày
- + Nước vệ sinh hồ chứa nước cấp, máng uống: 0,2 m<sup>3</sup>/ngày
- + Nước vệ sinh trại sau khi xuất gà: 3 m<sup>3</sup>/ngày

## **Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

Cơ sở chăn nuôi gia công gà thịt Lê Chí Hên được xây dựng trên phần đất có diện tích 4.510,4 m<sup>2</sup> ở ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Việc thành lập Cơ sở phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:**

Nguồn thải chính của cơ sở khi đi vào hoạt động là chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi (phân gà và đệm lót sinh học). Lượng chất thải rắn được định kỳ thu gom sau mỗi lứa nuôi, được bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua làm phân bón cho cây trồng. Không thải ra bên ngoài môi trường.

### Chương III HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN CƠ SỞ

#### 1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Cơ sở nằm trong khu vực nông thôn, địa hình tương đối bằng phẳng, xung quanh cơ sở chủ yếu là vườn cây ăn trái và dân thưa thớt, trong phạm vi khoảng 200m có 01 nhà dân. Trong khu vực không có các công trình trọng điểm như: khu bảo tồn thiên nhiên, khu nghỉ dưỡng,...Do đó hoạt động của cơ sở không ảnh hưởng đến hoạt động của người dân xung quanh.

Cơ sở có quy mô tương đối nhỏ nên lượng chất thải phát sinh tương đối thấp, chủ yếu là chất thải chăn nuôi, chất thải rắn sinh hoạt, bao bì, chai nhựa không làm ảnh hưởng nhiều đến môi trường xung quanh.

Các đối tượng nhạy cảm về môi trường: Vị trí thực hiện cơ sở không có đối tượng nhạy cảm về môi trường theo định tại điểm c, khoản 1, Điều 28 Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08:2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

#### 2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của cơ sở

Nước thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên sinh hoạt tại cơ sở.

Cơ sở nằm trong khu vực nông thôn, xung quanh không có các công trình trọng điểm, các cơ sở sản xuất quy mô lớn nên chất lượng môi trường xung quanh khu vực cơ sở vẫn còn tốt.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở được thu gom xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A, sau đó thu gom về ao vườn trong khu vực để cấp cho hệ thống làm mát của cơ sở và không xả nước thải ra môi trường bên ngoài.

#### 3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện Cơ sở

Để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường trong khu vực, Cơ sở đã phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh để tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực Cơ sở.

- Thời gian lấy mẫu quan trắc hiện trạng môi trường: 04/10/2022; 07/10/2022; 11/10/2022. Các vị trí lấy mẫu quan trắc gồm:

+ KX: Không khí khu vực thực hiện;

+ NM: Nước mặt tại kênh nội đồng vị trí miệng cống thoát nước ao vườn của khu vực.

- Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng.

##### 3.1. Kết quả thử nghiệm tiếng ồn và không khí xung quanh

- **Kết quả thử nghiệm:** Được tổng hợp qua bảng sau:

**Bảng 4: Kết quả thử nghiệm tiếng ồn và không khí xung quanh của cơ sở**

Thời gian lấy mẫu	Thông số						Ghi chú
	Độ ồn (dB)	NO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	SO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	CO (µg/m <sup>3</sup> )	H <sub>2</sub> S (µg/m <sup>3</sup> )	NH <sub>3</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	
04/10/2022	57,4	59,2	68,6	3.750	19,3	40,2	
07/10/2022	55,2	48,7	56,6	3.588	16,2	33,4	
11/10/2022	58,3	61,4	70,5	3.920	22,1	47,3	
QCVN 26:2010/ BTNMT	70	-	-	-	-	-	
QCVN 05:2013/ BTNMT	-	200	350	30.000	-	-	
QCVN 06:2009/ BTNMT	-	-	-	-	42	200	

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh, tháng 10/2022)

**Nhận xét:**

- Tất cả các thông số được đo đạc trong môi trường không khí tại các vị trí lấy mẫu qua các đợt đều có giá trị đạt QCVN 05:2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Độ ồn tại khu vực cơ sở qua các đợt lấy mẫu đều có giá trị đạt QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

**3.2. Kết quả thử nghiệm mẫu nước mặt**

- **Kết quả thử nghiệm mẫu nước mặt:** Được tổng hợp qua bảng sau:

**Bảng 5: Kết quả thử nghiệm mẫu nước mặt của cơ sở**

Thời gian lấy mẫu	Thông số								Ghi chú
	pH	TSS (mg/l)	BOD <sub>5</sub> (mg/l)	COD (mg/l)	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> - N (mg/l)	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> - N (mg/l)	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> - P (mg/l)	Coliform (MPN/100ml)	
04/10/2022	7,29	34	11	21	0,427	3,19	0,106	4.300	
07/10/2022	6,95	37	13	25	0,460	3,52	0,129	4.700	
11/10/2022	7,34	39	12	23	0,408	2,96	0,150	4.000	
QCVN 08-MT:2015/ BTNMT (cột B <sub>1</sub> )	5,5 – 9	50	15	30	0,9	10	0,3	7.500	

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh, tháng 10/2022)

- **Nhận xét:** Kết quả thử nghiệm mẫu nước mặt khu vực cơ sở (NM) cho thấy tất cả các thông số có giá trị đạt QCVN 08-MT:2015/ TNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước mặt (cột B<sub>1</sub>).

## Chương IV ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng Cơ sở

#### 1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

- **Nước mưa chảy tràn:** Nước mưa chảy tràn phát sinh do lượng nước mưa rơi xuống mặt bằng khuôn viên cơ sở. Chất lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào độ sạch của khí quyển tại khu vực và mặt bằng rửa trôi của khu vực. Nước mưa chảy tràn có khả năng kéo theo các chất bẩn và cát, nước mưa được xem là loại nước thải có tính chất ô nhiễm nhẹ. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng nếu các nguồn gây ô nhiễm không được kiểm soát, khi nước mưa rơi xuống khu đất cơ sở sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

##### \* Biện pháp xử lý

+ Che chắn khu vực tập kết nguyên vật liệu, tránh bị nước mưa cuốn trôi trong quá trình thi công các hạng mục công trình của cơ sở.

+ Các loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công để lại công trường sẽ được che chắn trong những ngày mưa, đảm bảo dầu nhớt các loại không theo nước mưa chảy tràn trên bề mặt chảy ra nguồn nước mặt thấm xuống đất, nhằm giảm khả năng gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

+ Thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi sau mỗi ngày làm việc.

- **Nước thải sinh hoạt:** Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ nhu cầu ăn uống, vệ sinh... của công nhân xây dựng cơ sở. Lượng nước thải này có nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh. Các chất hữu cơ có trong nước thải sinh hoạt là các loại cacbon hydrate, protein, lipid... là các chất dễ bị các vi sinh vật phân hủy. Trong nước thải sinh hoạt còn có một lượng lớn chất rắn lơ lửng làm cho nguồn tiếp nhận nước thải tăng độ đục, bị bồi lắng, chất lượng nước ngày càng xấu đi. Bên cạnh đó nước thải sinh hoạt còn làm gia tăng vi trùng, đặc biệt là các vi trùng gây bệnh (tả, lỵ, thương hàn...) dẫn đến ảnh hưởng sức khỏe con người và mỹ quan khu vực.

Tuy nhiên do khối lượng xây dựng nhỏ, chủ cơ sở thuê nhân công lao động tại địa phương, các hoạt động sinh hoạt cá nhân không thực hiện tại cơ sở nên sẽ không phát sinh nguồn thải này tại cơ sở.

- **Nước thải xây dựng:** Chủ yếu phát sinh khi vệ sinh thiết bị xây dựng, nên có tải lượng nhỏ, không đáng kể. Nước thải phát sinh bị ô nhiễm chủ yếu do chất rắn lơ lửng và vi sinh. Do phát sinh với lưu lượng thấp không đáng kể nên được tái sử dụng để tưới nền, công trình.

#### 1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

- **Chất thải rắn sinh hoạt:** Thành phần chất thải rắn sinh hoạt của công nhân chủ yếu là các loại bao bì như túi nylon, hộp cơm, thức ăn thừa, rau củ, lon... Nguồn chất thải phát sinh trung bình từ 0,3 đến 0,5 kg/người/ngày. Ước tính có

khoảng 05 công nhân xây dựng cơ sở thì phát sinh 1,5 – 2,5 kg/ngày. Lượng chất thải rắn sinh hoạt này phát sinh không nhiều. Tuy nhiên, nếu không có biện pháp thu gom xử lý mà thải trực tiếp ra khu vực xung quanh cơ sở sẽ gây ảnh hưởng đến cảnh quan của khu vực.

**\* Biện pháp xử lý**

- + Bố trí thùng rác thu gom tại khu vực công trường.
- + Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom vào thùng chứa đúng quy định, không để rơi vãi xung quanh khu vực cơ sở.
- + Tuyên truyền ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường cho công nhân, tuyệt đối không vứt rác bừa bãi.
- + Thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

- **Chất thải xây dựng:** Có thành phần chủ yếu là xà bần, bao bì các tông, ni lông, sắt thép vụn,... Lượng chất thải này có khối lượng thấp và có thể tái sử dụng.

**\* Biện pháp xử lý:** Chất thải rắn xây dựng phát sinh tại cơ sở sẽ được tập kết và phân loại ngay tại công trường thành từng nhóm (có khả năng tái chế được, sử dụng ngay trên công trường) và xử lý như sau:

- + Xà bần (sử dụng ngay trên công trường): sẽ được thu gom, tận dụng để san lấp mặt bằng, tôn nền; tần suất thu gom, xử lý: hằng ngày.
- + Các loại cốp pha hư hỏng, sắt thép vụn, bao giấy (bao xi măng), thùng nhựa, dây nhựa... (có khả năng tái chế) được thu gom và bán phế liệu; tần suất thu gom, xử lý. Tùy theo khối lượng sẽ hợp đồng bán cho đơn vị thu mua phế liệu (hàng tuần hoặc sau khi hoàn thành giai đoạn xây dựng).

**1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

- Sắt, gạch, cát, đá, xi măng,... là các loại vật liệu được sử dụng chủ yếu trong quá trình xây dựng. Quá trình tập kết vật liệu cũng như lưu trữ, bốc dỡ sẽ phát sinh bụi; tuy nhiên nguồn bụi này không lớn, gây ảnh hưởng không nhiều đến môi trường và sức khỏe con người. Ngoài ra, bên đơn vị cung cấp vật liệu sử dụng xe tải vận chuyển vật liệu đến giao cơ sở khi có nhu cầu; cơ sở có quy mô nhỏ nên bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển vật liệu không gây ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe con người và môi trường không khí.

- Cơ sở có quy mô nhỏ, quá trình xây dựng sử dụng lao động thủ công và kết hợp các máy móc chuyên dụng nên bụi phát sinh không lớn, có tính chất tạm thời, tác động chủ yếu trong khu vực cơ sở nên chủ yếu gây ảnh hưởng sức khỏe công nhân xây dựng, không ảnh hưởng đáng kể đến các cơ quan hay công trình lân cận.

**\* Biện pháp xử lý:**

- + Cung cấp đầy đủ các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động (găng tay, ủng,...).
- + Đảm bảo nhiên liệu sử dụng của các phương tiện là dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh  $\leq 0,05\%$ .
- + Các phương tiện vận chuyển khi chuyên chở phải được che chắn kín

nhằm hạn chế sự phát tán bụi và rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển.

+ Phun/tưới nước tại khu vực công trường với tần suất 2 lần/ngày (buổi sáng, trưa hoặc buổi chiều) nhằm duy trì độ ẩm và hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

+ Dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ khu vực thi công vào cuối ngày làm việc.

#### 1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình xây dựng, hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng sẽ gây phát sinh tiếng ồn và độ rung ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Dự báo mức độ gây ồn của các thiết bị thi công trên công trường tới môi trường xung quanh khoảng cách 1,5 m; 20 m; 50 m được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 6: Dự báo mức ồn gây ra do các phương tiện thi công*

STT	Thiết bị, máy móc	Mức ồn cách nguồn 1,5 m (dBA)	Mức ồn cách nguồn 20 m (dBA)	Mức ồn cách nguồn 50 m (dBA)
1	Máy ủi	93	70,5	62,5
2	Máy đầm nén	72 - 74	49,5 - 51,5	41,5 - 43,5
3	Máy kéo	77 - 96	45,5 - 73,5	40,5 - 59,5
4	Máy trộn bê tông	75 - 88	52,5 - 65,5	38,5 - 51,5
5	Bơm bê tông	80 - 83	57,5 - 60,5	43,5 - 46,5
6	Máy đầm bê tông	85	62,5	48,5

(Nguồn: WHO, 1993)

#### \* Biện pháp xử lý:

+ Có kế hoạch thi công nhằm hạn chế các phương tiện hoạt động tập trung cùng một lúc, hạn chế gia tăng cường độ ồn.

+ Không thi công công trình vào giờ nghỉ ngơi, chỉ làm việc vào thời gian: sáng 07h - 11h, chiều 13h - 17h.

+ Sử dụng các máy móc, phương tiện thi công còn thời hạn kiểm định để hạn chế tiếng ồn.

+ Các máy móc, thiết bị sử dụng có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

## 2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn cơ sở đi vào vận hành

### 2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

- **Nước mưa chảy tràn:** Loại nước này sinh ra do lượng nước mưa rơi trên mặt bằng khuôn viên cơ sở, quy mô cơ sở nhỏ nên lượng nước mưa chảy tràn không nhiều. Thêm vào đó, nước mưa chảy tràn có tính chất ô nhiễm nhẹ và được “quy ước sạch”, cho phép xả trực tiếp vào hệ thống nguồn tiếp nhận là ao vườn trong khu vực.

**Bảng 7: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn**

STT	Chất ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/L)
1	COD	10 - 20
2	Tổng chất rắn lơ lửng	10 - 20
3	Tổng Nitơ	0,5 - 1,5
4	Tổng Photpho	0,004 - 0,006

(Nguồn: WHO)

\* **Biện pháp xử lý** : Bố trí hệ thống thoát nước dọc theo chiều dài phía trước và sau trại. Nước mưa theo hệ thống thoát nước chảy vào ao vườn trong khu vực và theo hệ thống cống thoát chảy thẳng ra môi trường.. Ngoài ra, cơ sở sẽ thực hiện vệ sinh hằng ngày đảm bảo không phát sinh chất thải rắn trên khu vực đường nội bộ để hạn chế việc bị cuốn trôi vào những ngày mưa.

- **Nước thải sinh hoạt**: Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ nhu cầu ăn uống, vệ sinh... của công nhân và gia đình chủ Cơ sở. Lượng nước thải này có nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh. Lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 10 m<sup>3</sup>/tháng (tương đương khoảng 0,3 m<sup>3</sup>/ngày).

Tải lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt được tham khảo trong bảng sau:

**Bảng 8: Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt**

STT	Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người. Ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	45 - 54
2	COD	72 - 102
3	SS	70 - 145
4	Dầu mỡ	10 - 30
5	Tổng nitơ	6 - 12
6	Tổng phospho	0,8 - 4,0
7	Amonia	3,6 - 7,2
8	Tổng coliforms	10 <sup>6</sup> - 10 <sup>9</sup>

Nguồn: Ts. Lê Anh Dũng, Môi Trường Trong Xây Dựng

Các chất hữu cơ có trong nước thải sinh hoạt là các loại cacbon hydrat, protein, lipid... là các chất dễ bị các vi sinh vật phân hủy. Khi phân hủy thì vi sinh vật cần sử dụng DO trong nước để chuyển hóa các chất hữu cơ thành CO<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>O, CH<sub>4</sub>... chỉ thị cho việc hàm lượng chất hữu cơ dễ bị phân hủy bởi vi sinh vật là chỉ số BOD.

Như vậy, hàm lượng BOD càng cao thì nhu cầu oxy của vi sinh vật phân hủy càng tăng, điều đó có nghĩa là hàm lượng các chất hữu cơ bị phân hủy trong nước thải rất lớn.

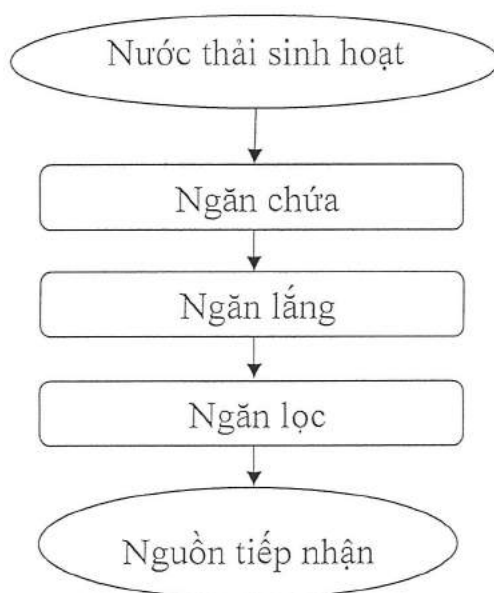
Trong nước thải sinh hoạt còn có một lượng lớn chất rắn lơ lửng làm cho nguồn tiếp nhận nước thải tăng độ đục, bị bồi lắng, chất lượng nước ngày càng xấu đi. Bên cạnh đó nước thải sinh hoạt còn làm gia tăng vi trùng, đặc biệt là các



vi trùng gây bệnh (tả, lỵ, thương hàn...) dẫn đến ảnh hưởng sức khỏe con người và mỹ quan khu vực.

Tuy nhiên, để làm giảm ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt đến môi trường xung quanh, Cơ sở sẽ xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT, loại B, hệ số K=1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

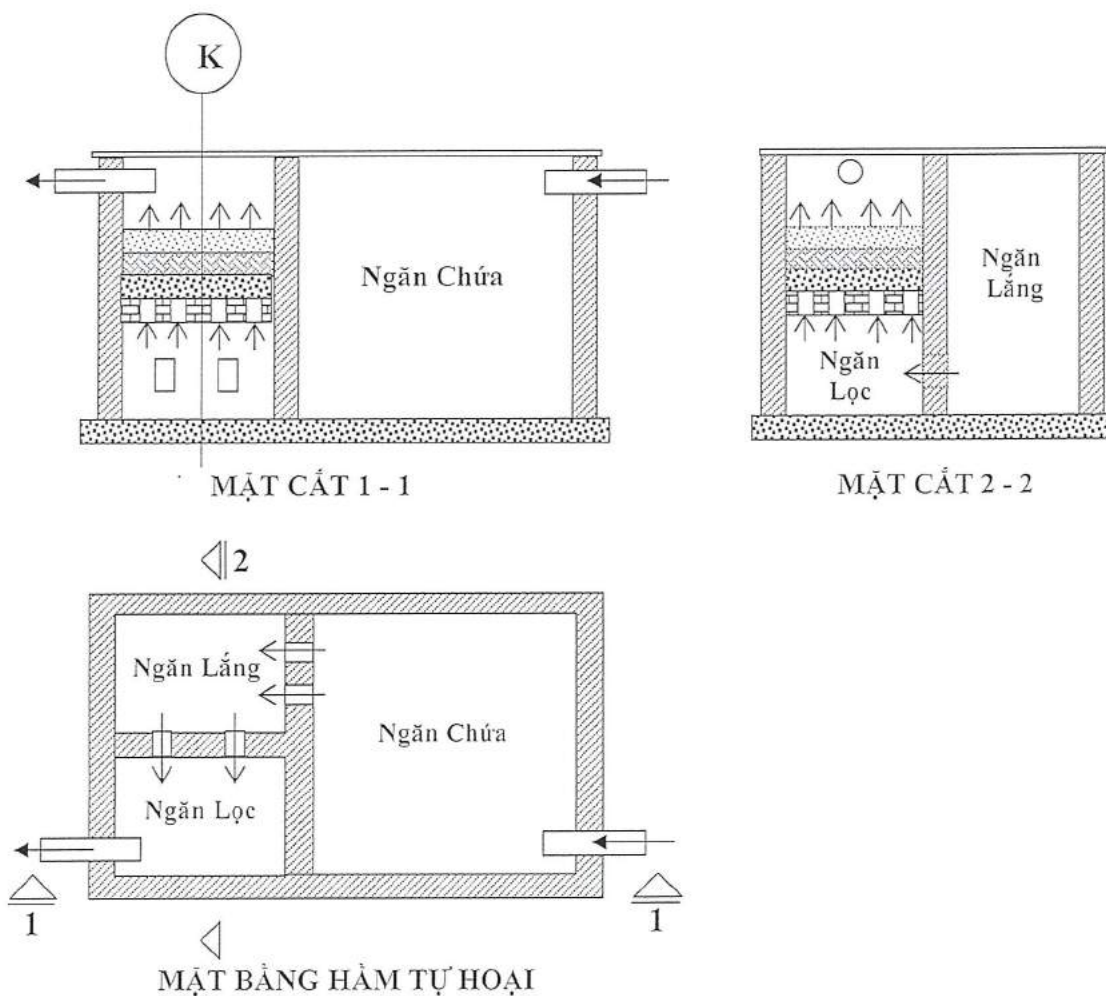
\* **Biện pháp xử lý:** Nước thải sinh hoạt tại Cơ sở ước tính khoảng 0,3 m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn. Phương pháp xử lý này phù hợp với tính chất đặc trưng của nước thải sinh hoạt là chứa nồng độ các chất hữu cơ và chất rắn lơ lửng cao. Hầm tự hoại là công trình xử lý đồng thời thực hiện ba chức năng: Lắng nước thải, lên men cặn lắng và lọc nước thải sau lắng. Quy trình hoạt động của hầm tự hoại 3 ngăn được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 2: Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại

Nước thải sinh hoạt được thu gom về hầm tự hoại và lần lượt đi qua các ngăn trong bể như sau:

- + Ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải.
- + Nước thải tiếp tục theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các Hydrocacbon, đạm, béo, ... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là CH<sub>4</sub>, CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, ...).
- + Nước thải tiếp tục chảy sang ngăn thứ ba để lọc toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải bằng sạn sỏi.
- + Nước thải sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận là ao vườn trong khu vực.



GHI CHÚ:

K

- 4 ĐAL BTCT KÍCH THƯỚC 500 x 1400 x 60
- LỚP ĐÁ 10 x 20 DÀY 100
- LỚP THAN CUỐI DÀY 150
- LỚP ĐÁ 60 x 40 DÀY 150
- TƯỜNG XÂY GẠCH THÈ, VỮA XÂY TÔ MÁC 75
- LÁNG VỮA XM 75 DÀY 30
- BÊTÔNG ĐÁ 4 x 6 MÁC 100 DÀY 100
- ĐẤT TỰ NHIÊN

Hình 3: Bản vẽ mặt cắt hầm tự hoại

- **Nước thải sản xuất:** Lượng nước thải sẽ phát sinh khi kết thúc đợt nuôi tối đa khoảng  $6 \text{ m}^3/\text{đợt}$  (gồm vệ sinh thiết bị và nền/đợt nuôi/2 trại). Tuy nhiên 2 trại không vệ sinh cùng lúc, mỗi ngày vệ sinh 1 trại nên lượng nước phát sinh hàng ngày khoảng  $3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Lượng nước này được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải bố trí dọc phía sau trại, đảm bảo không xả nước thải, hay làm rò rỉ nước thải ra ao vườn.

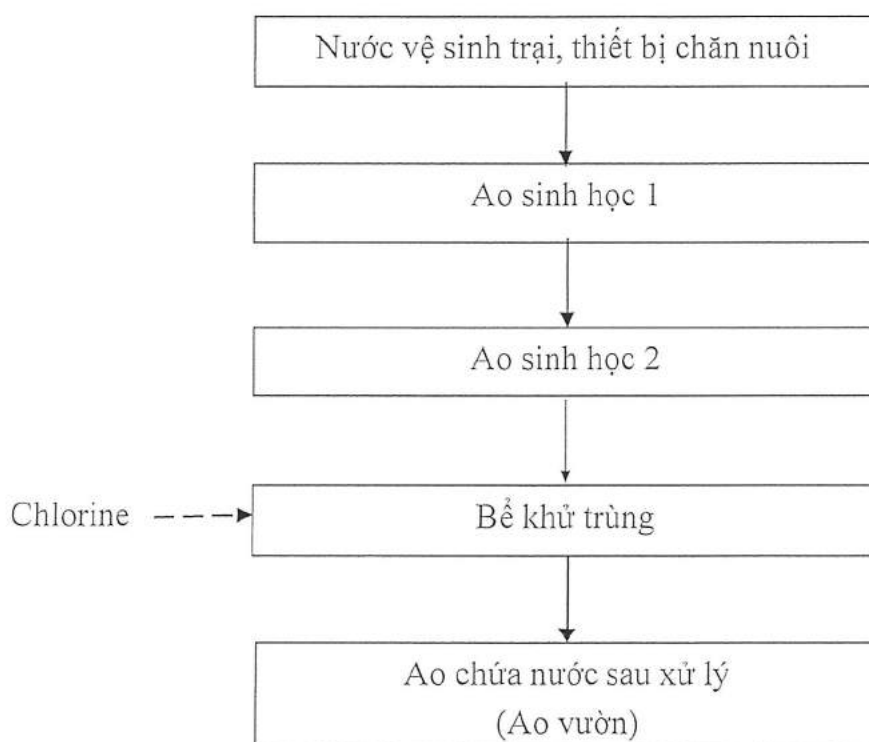
\* **Biện pháp xử lý:** Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của cơ sở được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải có công suất  $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Số Lượng: 01 hệ thống.

- Công suất:  $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  (24 giờ).

- Công nghệ xử lý: Sinh - Hóa.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi của cơ sở như sau:



Hình 4: Sơ đồ quy trình xử lý nước thải chăn nuôi của cơ sở

\* **Thuyết minh quy trình:**

Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi như nước vệ sinh nền trại, trang thiết bị chăn nuôi được thu gom vào **ao sinh học 1** có diện tích  $10 \text{ m}^2$  sâu  $1,0 \text{ m}$  (thể tích khoảng  $10 \text{ m}^3$ ) xử lý bằng thủy sinh thực vật.

Nước thải sau ao sinh học 1 được đưa qua **ao sinh học 2** có diện tích  $10 \text{ m}^2$  sâu  $1,0 \text{ m}$  (thể tích khoảng  $10 \text{ m}^3$ ) để tiếp tục xử lý bằng thủy sinh thực vật.

Thủy sinh thực vật được trồng trong các ao sinh học như lục bình, rau mác... Rễ của các loài thực vật thủy sinh này sẽ giữ lại các chất hữu cơ, lơ lửng, dinh dưỡng... có trong nước thải. Nhân viên cơ sở định kỳ thu gom bớt lục bình,

rau mác... hoặc nạo vét bùn đắp gốc cây. Chỉ cho lục bình, rau mác... phủ khoảng 50% diện tích từng ao.

Nước thải sau xử lý tại ao sinh học 2 sẽ được khử trùng bằng dung dịch Chlorine, nồng độ 2 – 8 g/m<sup>3</sup> nước thải, tại **bể khử trùng** 3 ngăn (thể tích khoảng 0,5 m<sup>3</sup>) trước khi xả vào **ao chứa nước thải sau xử lý** có diện tích 10m<sup>2</sup> sâu 1,0 m (thể tích khoảng 10 m<sup>3</sup>) dùng cấp cho hệ thống làm mát, khử mùi.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

**Bảng 9: Thông số kỹ thuật của công trình xử lý nước thải**

STT	Tên công trình và thiết bị chính	Số Lượng	Vật liệu	Kích thước (m)			Thể tích chứa (m <sup>3</sup> )
				Dài	Rộng	Cao/sâu	
1	Ao sinh học 1	1 ao	Ao đất	5	2	1	10
2	Ao sinh học 2	1 ao	Ao đất	5	2	1	10
3	Bể khử trùng 3 ngăn	1 bể	Bê tông	1	1	0,5	0,5
4	Ao chứa nước thải sau xử lý	1 ao	Ao đất	5	2	1	10
5	Thùng chứa dung dịch Chlorine	1 cái	Nhựa	-	-	-	0,02

+ Hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải: Chlorine 3 kg/năm, bình quân sử dụng khoảng 0,15 kg/đợt nuôi gà.

+ Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào ao chứa nước thải sau xử lý dùng xử lý bụi, mùi hôi sau quạt hút, đạt quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành (QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột A, Kq=0,6 và K<sub>r</sub> = 1,3).

- **Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Cơ sở không thuộc đối tượng và không lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

## 2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

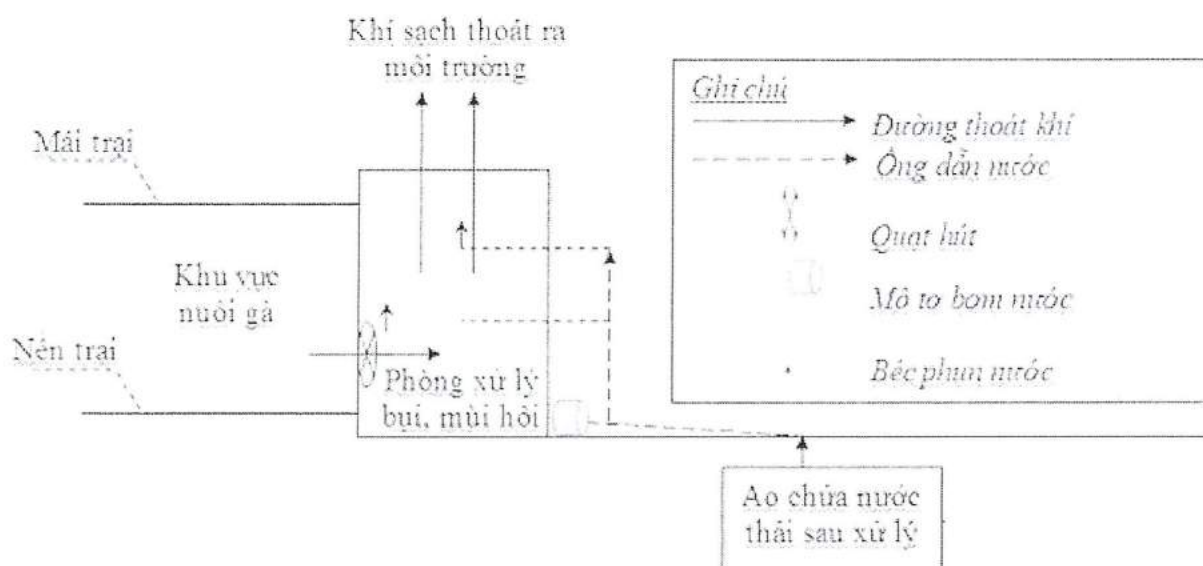
- Trong quá trình hoạt động khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông của khách đến giao thức ăn và vận chuyển gà cuối vụ nuôi, thành phần chủ yếu bao gồm: CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>,... lượng này không lớn, sẽ nhanh chóng khuếch tán và pha loãng vào môi trường không khí xung quanh, do đó không tác động nhiều đến con người và môi trường xung quanh.

- Mùi hôi: do đặc điểm hoạt động của cơ sở là chăn nuôi gà thịt, do đó mùi hôi phát sinh là không tránh khỏi mùi hôi chủ yếu từ phân của vật nuôi.

### \* Biện pháp xử lý:

- **Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý:** Bụi, mùi hôi phát sinh trong trại chăn nuôi được quạt hút (bố trí phía sau trại) thu gom vào phòng xử lý bụi, mùi hôi chung phía sau quạt hút. Khi bụi, mùi hôi vào phòng xử lý sẽ di chuyển lên trên, sau đó thoát ra môi trường.

- **Công trình xử lý bụi, khí thải:** Chủ cơ sở xây dựng 1 phòng xử lý bụi, mùi hôi chung cho trại gà, với diện tích 36 m<sup>2</sup>. Quy trình xử lý bụi, mùi hôi sau quạt hút như sau:



Hình 5: Quy trình xử lý bụi, mùi hôi sau quạt hút

\* **Thuyết minh quy trình:**

Chủ Cơ sở xây dựng 1 phòng xử lý bụi, mùi hôi chung cho trại gà, với diện tích 36 m<sup>2</sup>. Phòng xử lý bụi, mùi hôi này có chiều dài bao bọc hết phía sau trại gà, chiều rộng 3 m; cột bằng bê tông cốt thép và thép; vách tường phía dưới cao 2,5 m, vách tôn phía trên vách tường cao 1,0 m (tổng chiều cao vách 3,5 m, cao hơn đỉnh quạt hút 2,0 m). Trong phòng xử lý chủ Cơ sở bố trí 2 giàn phun nước, giàn 1 cách nền trại khoảng 2 m, giàn 2 cách nền trại khoảng 3,0 m, dùng nước bơm từ ao chứa nước thải sau xử lý để xử lý bụi, mùi hôi. Khi nuôi gà, sẽ cho giàn phun nước cùng hoạt động, đảm bảo phun đều khắp diện tích phòng xử lý bụi, mùi hôi.

Khi bụi, mùi hôi trong trại được quạt hút thu gom vào phòng xử lý bụi, mùi hôi sẽ di chuyển lên trên, sau đó thoát ra môi trường. Trong quá trình di chuyển bụi, mùi hôi sẽ tiếp xúc với nước phun dạng mưa từ trên xuống, làm cho bụi và mùi hôi trong dòng khí bị nước hấp thụ rơi lại nền phòng xử lý bụi, mùi hôi.

Chủ cơ sở bơm nước từ ao chứa nước thải sau xử lý (có bổ sung thêm nước khi lượng nước trong ao chứa không đủ để xử lý bụi, mùi hôi) phun mưa trong phòng xử lý bụi, mùi hôi sau quạt hút. Lượng nước phun trong phòng xử lý bụi, mùi hôi khoảng 10 m<sup>3</sup>/ngày, toàn bộ phần nước rơi lại nền phòng xử lý bụi, mùi hôi được thấm rút qua nền đất, cát của phòng xử lý bụi, mùi hôi.

Khí thải (bụi, mùi hôi) sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, trước khi thải vào môi trường không khí xung quanh.

**Bảng 10: Thông số của công trình xử lý khí thải (bụi, mùi hôi) của cơ sở**

STT	Tên công trình và thiết bị chính	Số Lượng	Thông số kỹ thuật	Kích thước (m)			Diện tích (m <sup>2</sup> )
				Dài	Rộng	Cao	
1	Phòng xử lý bụi, mùi hôi	1 phòng	Cột bê tông cốt thép, vách tường cao (2,2m), vách tôn cao (2m)	12	3	3,5	36
2	Quạt hút	4 cái	Quạt sắt, 1 – 1,5 HP/cái	-	-	-	-
3	Giàn phun nước	2 giàn	Ống nhựa PVC	-	-	-	-

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có): Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt và chủ cơ sở không lắp đặt các thiết bị này.

**\* Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác:**

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng: Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng

- Giảm thiểu bụi, mùi hôi và khí thải từ hoạt động nhập gà giống: Chủ cơ sở yêu cầu nhân viên đơn vị thuê nuôi gà gia công tắt máy xe tải khi giao gà và phân công nhân viên thu gom ngay phân gà rơi vãi trong ngày sau khi nhập xong gà.

- Giảm thiểu bụi và khí thải giai đoạn nhập nguyên vật liệu: các nguyên vật liệu được giao định kỳ trong suốt quá trình nuôi (khoảng 4 đến 5 lần/tháng) nên bụi và khí thải phát sinh không đáng kể.

- Giảm thiểu bụi và mùi hôi do hoạt động lưu trữ nguyên vật liệu: Cơ sở sử dụng thức ăn công nghiệp nuôi gà, không sử dụng thức ăn tự chế. Thức ăn được lưu trữ trong kho, quá trình lưu trữ sẽ phát sinh khí thải có thành phần chủ yếu H<sub>2</sub>S và NH<sub>3</sub>. Tuy nhiên, bao chứa thức ăn có lớp nilông bảo vệ nên mùi hôi phát sinh không đáng kể. Chủ cơ sở phân công nhân viên định kỳ vệ sinh kho và kiểm tra tính an toàn của từng bao thức ăn lưu trữ trong kho hạn chế thức ăn rơi vãi, khi phân hủy sẽ phát sinh mùi hôi.

- Giảm thiểu bụi và mùi hôi do hoạt động xuất gà khỏi trại: thời gian xuất gà khỏi cơ sở khoảng 2-3 ngày/trại. Do đó để giảm thiểu bụi, khí thải và mùi hôi khi xuất gà, cơ sở áp dụng giải pháp sau:

+ Yêu cầu đơn vị thuê nuôi gia công đưa xe tải đậu sát trại để đưa gà lên xe và tắt máy xe trong suốt thời gian bắt gà.

+ Giám sát quạt hút trong lúc bắt vật nuôi.

+ Thu gom ngay phân gà rơi vãi trên đường nội bộ ngay khi ngưng xuất.

+ Vận hành hệ thống phun nước trong phòng xử lý bụi, mùi hôi suốt thời gian xuất gà.

+ Không dỡ bạt phủ 2 bên hông trại khi thu gom phân.

- Giảm thiểu bụi và mùi hôi do hoạt động thu gom phân, vệ sinh trại và lưu trữ phân chờ xuất bán:

+ Trong suốt thời gian thu gom phân và chất độn nền, chủ cơ sở sẽ tắt bớt

quạt hút và vận hành phòng xử lý bụi, mùi phía sau quạt hút để giảm thiểu ô nhiễm do bụi và mùi hôi.

+ Chủ cơ sở không lưu chứa phân gà tại cơ sở mà xuất bán ngay sau khi được thu gom vào bao chứa.

+ Phủ bạt kín xung quanh trại gà trong suốt quá trình thu gom phân gà, nhằm hạn chế bụi và mùi hôi phát tán ra bên ngoài môi trường.

+ Vận hành hệ thống phun nước trong phòng xử lý bụi, mùi hôi suốt thời gian thu gom phân.

- Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ phân gà định kỳ mỗi tuần cán bộ kỹ thuật của cơ sở sẽ xịt khử trùng và khử mùi hôi trong suốt vụ nuôi. Bên cạnh đó chủ cơ sở cũng sẽ tiến hành trồng cây xanh xung quanh chuồng trại để giảm mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Thường xuyên khơi thông nạo vét cống rãnh trong khuôn viên trại ít nhất 1 lần/tuần.

### 2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

- **Chất thải rắn sinh hoạt:** Nguồn phát sinh chất thải rắn chủ yếu từ nhân viên làm việc tại cơ sở. Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại thức ăn thừa, chai nhựa, bọc nylon. Nguồn chất thải phát sinh trung bình từ 0,3 đến 0,5 kg/người/ngày. Với số lượng nhân viên làm việc tại cơ sở là 04 người thì phát sinh trung bình từ 1,2 – 2,0 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt bị tích lũy lâu dài tại chỗ có thể gây ô nhiễm đất, gây mùi hôi. Đây là môi trường thuận lợi để các sinh vật mang mầm bệnh sinh sôi, phát triển như ruồi, muỗi, chuột, gián,... Các vi sinh vật gây bệnh này tồn tại và phát triển gây ra các dịch bệnh.

#### \* Biện pháp xử lý:

+ Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy, thể tích mỗi thùng là 20 lít để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Bố trí nhân viên thu gom, phân loại các chất thải rắn sinh hoạt định kỳ 01 lần/ngày.

+ Các loại chất thải có thể tái chế được thu gom, lưu trữ và định kỳ cung cấp cho các cơ sở thu mua phế liệu.

#### - Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi

+ Bao bì đựng thức ăn: tùy vào trọng lượng của gà mà nhu cầu thức ăn khác nhau, dẫn đến lượng bao bì phát sinh cũng khác, trung bình phát sinh khoảng 2 kg/ngày.

+ Phân gà, trấu thải: lượng phân gà cũng biến động theo trọng lượng của gà, trung bình mỗi vụ thả nuôi (03 tháng) lượng phân sẽ phát sinh khoảng 20 tấn và lượng trấu lót sàn chuồng trại khoảng 2 tấn, tổng lượng thải cho một vụ nuôi khoảng 22 tấn.

+ Xác gà chết: trong quá trình chăn nuôi sẽ không tránh khỏi tình trạng gà chết do có thể mắc một số bệnh thường gặp như: hô hấp, dịch tả, viêm phế quản,... Ước tính vào khoảng 100kg/vụ (03 tháng).

Lượng rác thải này không lớn, tuy nhiên nếu không được thu gom và xử lý kịp thời chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

**\* Biện pháp xử lý:**

+ Đối với bao bì đựng thức ăn: loại chất thải này sẽ được chủ cơ sở thu gom trữ lại trong kho, sau đó bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu

+ Đối với phân gà và trấu thải: cơ sở không tiến hành thu gom mỗi ngày, phân gà sẽ được giữ lại tại sàn chuồng trại bằng trấu, sau cuối mỗi vụ nuôi sẽ được chủ cơ sở thu gom cho vào bao nhựa và bán lại cho các hộ dân có nhu cầu sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

+ Đối với tình trạng gà chết: nhân công của Cơ sở kiểm tra, theo dõi tình hình sức khỏe và biểu hiện của gà, định kỳ tiêm vắc xin phòng bệnh nên lượng gà chết không đáng kể. Trong trường hợp gà bị bệnh chết, xác gà được cơ sở chôn lấp trong hố theo hướng dẫn của ngành thú y, sử dụng vôi bột rải lót đều đáy hố, với lượng 0,8-1 kg/m<sup>2</sup> diện tích đáy hố, trên bề mặt hố chôn rải vôi bột để hạn chế mầm bệnh phát tán.

- **Chất thải nguy hại:** Các loại chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng rất thấp, chủ yếu là vỏ thuốc, vaccin qua sử dụng và xác gà chết do bệnh dịch. Trong quá trình vận hành của cơ sở sẽ phát sinh tổng lượng CTNH khoảng 19 kg/năm, với các loại CTNH phát sinh cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số Lượng (kg/năm)	Biện pháp thu gom và xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	3	- Lưu trữ trong kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích kho chứa CTNH khoảng 3 m <sup>2</sup> . Dán biển cảnh báo bên ngoài kho - Chất thải nguy hại của Cơ sở được phân loại, lưu trữ trong các thùng chứa có dán nhãn phân biệt theo từng loại chất thải nguy hại (gồm tên, mã số CTNH). - Chủ cơ sở cập nhật khối Lượng CTNH phát sinh và báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm. - Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với các công ty có tư cách pháp nhân xử lý chất thải độc hại để quản lý và xử lý khi có số Lượng CTNH lớn.
2	Các linh kiện thiết bị điện tử thải (bóng đèn led thải)	16 01 13	5	
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa (chai, lọ chứa thuốc trị bệnh cho gà)	18 01 03	7	
4	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (chai, lọ thủy tinh chứa thuốc trị bệnh cho gà)	18 01 04	4	
<b>Tổng khối Lượng CTNH</b>			<b>19</b>	

- **Xác gà chết do bệnh dịch:** Căn cứ theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, chủ cơ sở đề ra quá trình xử lý vật nuôi chết nếu xảy ra dịch bệnh tại cơ sở như sau:



## ⊕ **Chôn lấp**

### Đào hố chôn quy cách hố chôn

+ Địa điểm: Hố chôn phải cách nhà dân, giếng nước, khu chuồng nuôi động vật tối thiểu 30m và có đủ diện tích; nên chọn nơi chôn trong vườn (tốt nhất là vườn cây ăn quả hoặc lấy gỗ).

+ Kích cỡ: Hố chôn phải đủ rộng phù hợp với khối lượng động vật, sản phẩm động vật và chất thải cần chôn. Ví dụ nếu cần chôn 01 tấn động vật thì hố chôn cần có kích thước là sâu 1,5 - 2m x rộng 1,5 - 2m x dài 1,5 - 2m.

### Các bước chôn lấp

Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m<sup>2</sup>, cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sụt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

### Quản lý hố chôn

+ Hố chôn xác động vật phải có biển cảnh báo người ra vào khu vực;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, tổ chức kiểm tra định kỳ và xử lý kịp thời các sự cố sụt, lún, xói mòn, rò rỉ, bốc mùi của hố chôn;

+ Địa điểm chôn lấp phải được đánh dấu trên bản đồ của xã, ghi chép và lưu giữ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

⊕ **Thieu hủy:** Trường hợp thuê các tổ chức, cá nhân khác thực hiện tiêu hủy, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương tổ chức giám sát việc thực hiện, bảo đảm tuân thủ kỹ thuật theo các quy định của pháp luật.

## **2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường**

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ phương tiện giao thông vận chuyển thức ăn, vận chuyển gà và tiếng kêu của gà. Các nguồn này phát sinh mang tính gián đoạn nên tác động đến môi trường là không đáng ngại.

### **\* Biện pháp xử lý:**

- Để không ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân xung quanh, chủ cơ sở sẽ yêu cầu tắt máy các phương tiện giao thông khi đến cơ sở liên hệ làm việc, bên cạnh đó cơ sở thực hiện biện pháp cho gà ăn đúng giờ, ngoài ra xung quanh trại gà ít nhà dân sinh sống, do đó tiếng ồn không ảnh hưởng nhiều đến người dân xung quanh.

- Cơ sở không tiếp nhận thức ăn vào ban đêm (sau 18 giờ hôm trước đến 5 giờ sáng hôm sau).

- Đặt máy phát điện dự phòng cách nhà dân lân cận trên 100 m.

- Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa và thay mới những chi tiết bị mòn, bị hư hỏng. Lắp đặt bộ hãm thanh cho máy phát điện.

## 2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Khi cơ sở hoạt động, nhiên liệu được sử dụng chủ yếu là điện, không sử dụng nhiên liệu nào khác. Do đó, sự cố cháy, nổ có thể phát sinh từ các nguyên nhân như chập mạch điện, đường dây điện quá tải, sử dụng dây điện quá niên hạn sử dụng,...

### 2.5.1. Phòng ngừa sự cố cháy, nổ

- Lắp đặt các trang thiết bị PCCC: tiêu lệnh PCCC, các bình CO<sub>2</sub> chữa cháy,... tại khu vực dễ cháy như kho chứa và khu vực sản xuất.
- Công nhân được tham gia tập huấn công tác PCCC và tổ chức diễn tập theo định kỳ.
- Thiết lập nội quy an toàn sử dụng điện, sử dụng các thiết bị điện. Dây điện được đi trong ống nhựa.

### 2.5.2. Đảm bảo an toàn lao động

- Phổ biến nội quy an toàn lao động cho tất cả nhân viên và bắt buộc công nhân thực hiện.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như quần áo, khẩu trang, ủng,... để công nhân sử dụng khi vào khu vực chăn nuôi làm việc.
- Thực hiện đầy đủ các chính sách về chế độ bảo hiểm và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.

### 2.5.3. Biện pháp phòng chống dịch bệnh

- Thiết lập quy trình vệ sinh, tiêu độc hàng ngày và định kỳ:
  - + Định kỳ phun thuốc diệt các động vật trung gian truyền bệnh như: chuột, ruồi, muỗi xung quanh trại.
  - + Sử dụng vôi bột pha thành dung dịch trong hồ khử trùng để nhân viên, khách hàng liên hệ khử trùng giày dép, bánh xe trước khi vào trại nhằm hạn chế mầm bệnh từ chuồng trại khác vào trại.
  - + Tẩy uế, khử trùng chuồng và để trống chuồng ít nhất 21 ngày trước khi bắt đầu đợt nuôi mới để tiêu diệt mầm bệnh.
  - + Tiêm ngừa cho gia cầm theo đúng lịch tiêm phòng.
  - + Thường xuyên tìm hiểu tình hình dịch bệnh có liên quan trên phương tiện thông tin đại chúng và các hộ chăn nuôi lân cận, đồng thời phối hợp chặt chẽ với nhân viên của đơn vị thuê nuôi gà gia công để có biện pháp phòng chống và điều trị bệnh thích hợp.
  - + Xây dựng nội quy làm việc, ra vào trại để thực hiện.
- Khi có dịch bệnh xảy ra áp dụng các biện pháp sau:
  - + Thông báo với tổ thú y xã, phòng nông nghiệp huyện, Chi cục thú y và đơn vị thuê nuôi gia công để có hướng giải quyết kịp thời.
  - + Tăng cường phun thuốc sát trùng, tiêm kháng sinh cho vật nuôi.
  - + Không xuất bán gà để hạn chế mầm bệnh phát tán, lan rộng.

## 2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi (nếu có):

Nước thải sau xử lý được sử dụng để tưới cây, vệ sinh chuồng trại, cung cấp cho hệ thống làm mát không thải ra môi trường nên không ảnh hưởng đến thoát nước chung hay công trình thủy lợi của khu vực.

## 3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

### 3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở

*Bảng 11: Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của cơ sở*

STT	Tên công trình	Số lượng
1	Thu gom và thoát nước mưa	01 hệ thống
2	Thu gom và thoát nước thải	01 hệ thống
3	Bể tự hoại 3 ngăn	01 bể
4	Kho chất thải thông thường	01 kho
5	Kho chất thải nguy hại	01 kho
6	Giàn phun nước	2 giàn
7	Ao sinh học xử lý nước thải	02 ao
8	Ao chứa nước sau xử lý	01 ao

### 3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

*Bảng 12: Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường*

STT	Tên công trình	Thời gian thực hiện
1	Thu gom và thoát nước mưa	Trong quý I/2023 (Cùng với thời gian xây dựng cơ sở)
2	Thu gom và thoát nước thải	
3	Bể tự hoại 3 ngăn	
4	Kho chất thải thông thường	
5	Kho chất thải nguy hại	
6	Giàn phun nước	
7	Ao sinh học xử lý nước thải	
8	Ao chứa nước sau xử lý	

### 3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có.

### 3.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

*Bảng 13: Tóm tắt dự toán kinh phí đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường*

STT	Tên công trình	Kinh phí thực hiện (VND)
1	Thu gom và thoát nước mưa	30.000.000
2	Thu gom và thoát nước thải	30.000.000
3	Bể tự hoại 3 ngăn	20.000.000
4	Kho chất thải thông thường	10.000.000
5	Kho chất thải nguy hại	10.000.000
6	Giàn phun nước	50.000.000

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

7	Ao sinh học xử lý nước thải	10.000.000
8	Ao chứa nước sau xử lý	10.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>170.000.000</b>

**3.5. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường**

Chủ đầu tư sẽ trực tiếp quản lý cơ sở. Đồng thời sẽ đưa ra các nội quy về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động và cam kết tuân thủ nghiêm túc các nội quy đưa ra. Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước để giám sát việc tuân thủ các quy định về môi trường.

**4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo**

Mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá về các tác động môi trường, các rủi ro, sự cố môi trường có khả năng xảy ra khi triển khai cơ sở được trình bày trong bảng sau:

*Bảng 14: Mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá*

STT	Phương pháp sử dụng	Mục đích sử dụng phương pháp	Độ chính xác của Phương pháp đánh giá	Mức độ tin cậy
1	Phương pháp khảo sát hiện trường và phân tích phòng thí nghiệm	Xác định các thông số về hiện trạng nước mặt, tiếng ồn và không khí xung quanh	Kết quả đo đạc/ phân tích thực tế <input type="checkbox"/> độ chính xác cao	Cao
2	Phương pháp thống kê	Thu thập, xử lý các số liệu về điều kiện khí tượng thủy văn, kinh tế xã hội tại khu vực xây dựng cơ sở	Số liệu thực tế <input type="checkbox"/> độ chính xác cao	Cao
3	Phương pháp nhận dạng	Mô tả hệ thống môi trường, xác định các thành phần của cơ sở ảnh hưởng đến môi trường, nhận dạng đầy đủ các dòng chất thải, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ công tác đánh giá chi tiết	Độ chính xác cao	Cao
4	Phương pháp tổng hợp	Phân tích, tổng hợp thông tin và cơ sở dữ liệu để hoàn thành báo cáo tổng hợp	Nhìn chung các thông tin được cung cấp ở mức độ chính xác	Cao
5	Phương pháp so sánh	Đánh giá các kết quả trên cơ sở so sánh với quy chuẩn Việt Nam	Độ chính xác cao	Cao

## Chương V NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- **Nguồn phát sinh nước thải:**
  - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
  - + Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (nước vệ sinh nền trại và thiết bị chăn nuôi).
- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 3,3 m<sup>3</sup>/ngày đêm (24 giờ).
- **Dòng nước thải:** 2 dòng nước thải.
  - + Dòng nước thải sau hầm tự hoại được thoát ra ao vườn của chủ cơ sở (không thoát ra môi trường).
  - + Dòng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở (tái sử dụng, không xả nước thải ra môi trường).
- **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:** Như bảng sau:

*Bảng 15: Các thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm theo dòng nước thải*

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B <sub>1</sub> )
1	pH	-	5,5 – 9
2	TSS	mg/l	50
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	15
4	COD	mg/l	30
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> N	mg/l	0,9
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> N	mg/l	10
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> P	mg/l	0,3
8	Coliform	MPN/100ml	7.500

- **Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**
  - \* *Nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại*
    - + Vị trí xả thải: sau ngăn lọc hầm tự hoại
    - + Phương thức xả thải: tự chảy
    - + Nguồn tiếp nhận nước thải: ao vườn của chủ cơ sở (không thoát ra môi trường).
  - \* *Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở*
    - + Vị trí xả thải: không xả thải ra môi trường.
    - + Phương thức xả thải: không xả thải
    - + Nguồn tiếp nhận nước thải: ao chứa nước sau xử lý (tái sử dụng cho hệ thống làm mát, xử lý bụi, mùi hôi, không xả thải ra môi trường).

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Loại hình sản xuất của cơ sở là chăn nuôi gà nên trong quá trình hoạt động cơ sở không phát sinh khí thải công nghiệp. Do đó Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của cơ sở không bao gồm nội dung cấp phép môi trường đối với khí thải.

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh:

+ Từ hoạt động xuất nhập nguyên vật liệu và xuất gà

+ Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

**Bảng 16: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn**

STT	Tên thông số ô nhiễm	Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

## 4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):

Không có.

## 5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):

Không có.

**Chương VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở**

Cơ sở không có công trình xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022.

**2. Chương trình quan trắc chất thải**

**2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

Loại mẫu	Vị trí	Chỉ tiêu	Tần suất quan trắc	Số lượng (mẫu)	Tiêu chuẩn áp dụng
Không khí	KX	Độ ồn, NO <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , CO, H <sub>2</sub> S, NH <sub>3</sub>	06 tháng/01 lần	2	QCVN 26:2010/BTNMT QCVN 05:2013/BTNMT QCVN 06:2009/BTNMT
Nước thải	NM	pH, TSS, BOD <sub>5</sub> , COD, NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> - N, NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> - N, PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> - P, Coliform	06 tháng/01 lần	2	QCVN 08-MT:2015/BTNMT

**2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

Không có.

**2.3. Hoạt động quan trắc định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở**

Không có.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc hàng năm: 30.000.000 đồng.

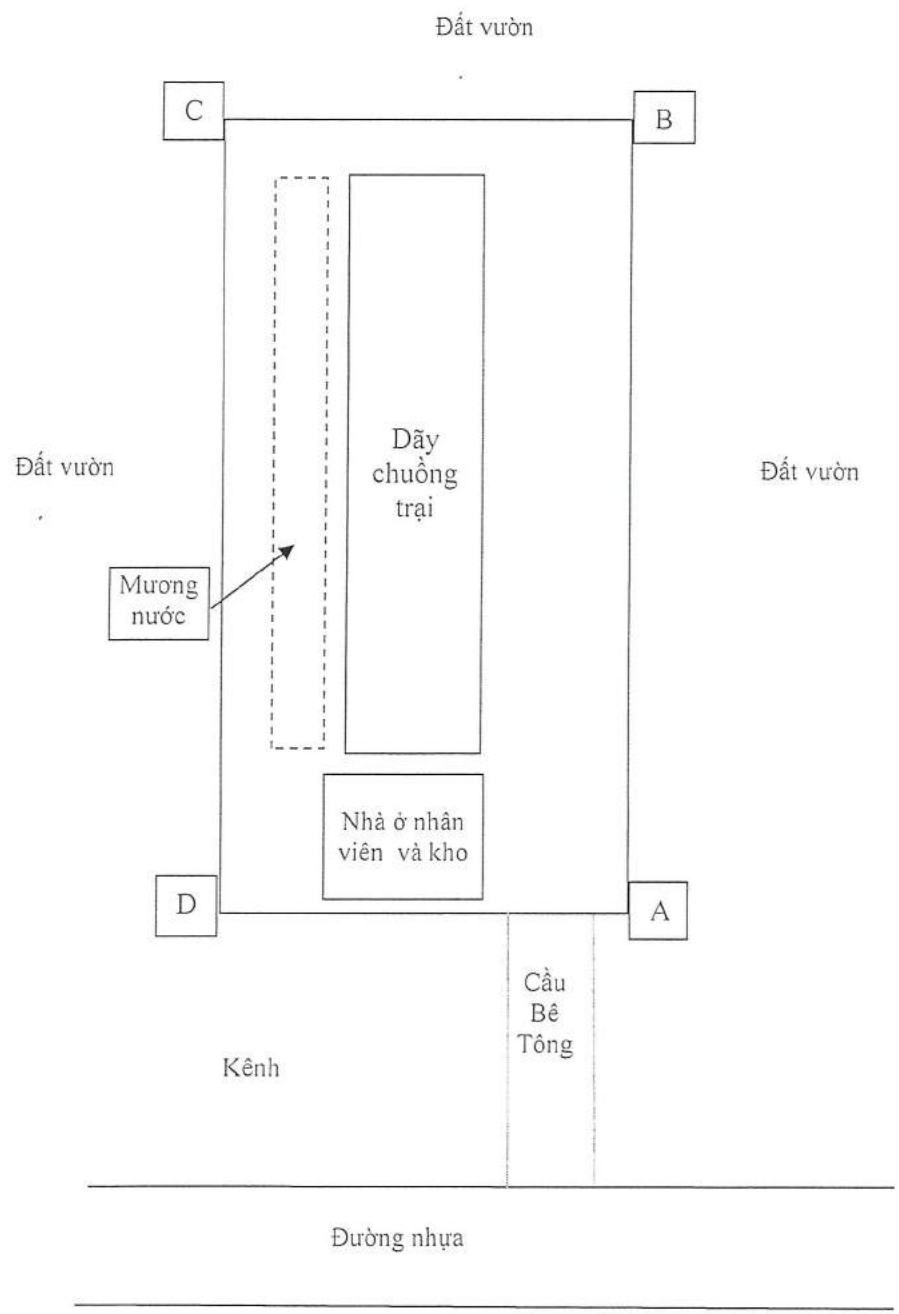
## **Chương VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Chủ cơ sở cam kết về các nội dung sau:

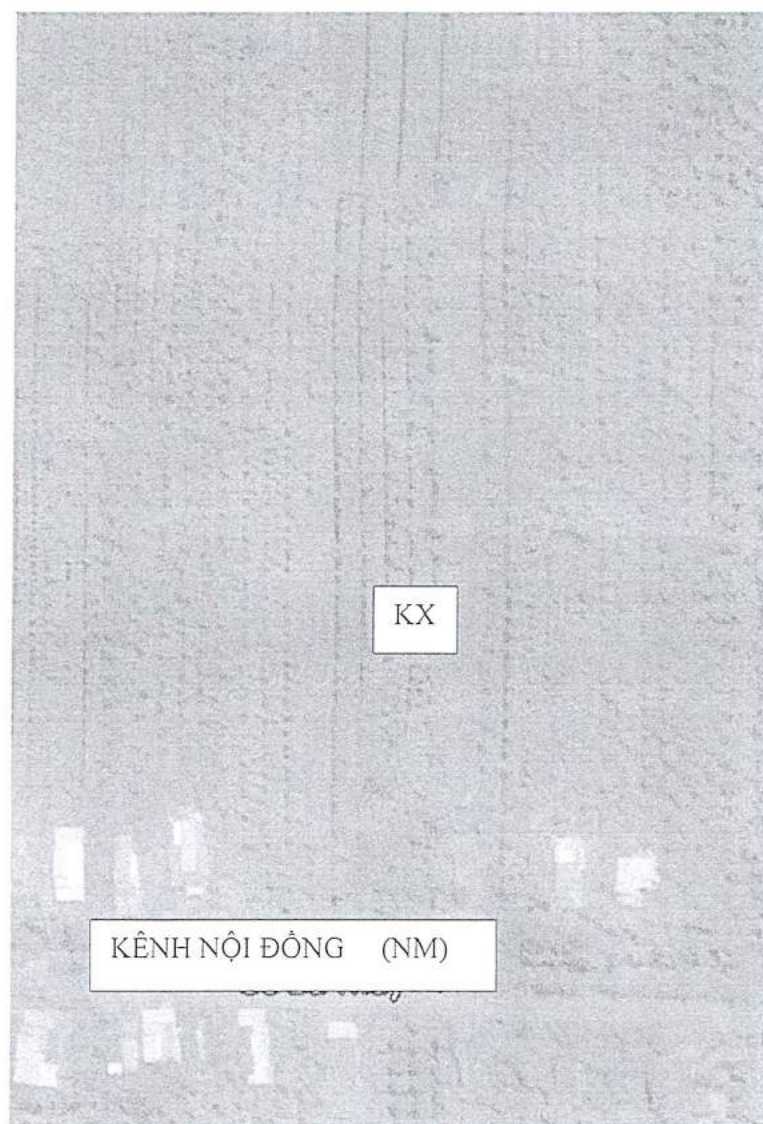
- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai cơ sở.
- Cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Cam kết thực hiện theo Luật hãn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018.



**PHỤ LỤC BÁO CÁO**



Mặt bằng tổng thể của Cơ sở



Sơ đồ vị trí lấy mẫu quan trắc môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Phú Tân, ngày 05 tháng 9 năm 2022

ĐƠN XIN XÂY DỰNG CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA CÔNG GÀ THỊT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân

Họ và tên chủ hộ: Lê Chi Hên Sinh năm: 1966  
CCCD số: 084066004847 Cấp ngày 05/05/2021 Tại Cục cảnh sát Quản  
lý hành chính về trật tự xã hội.  
Điện thoại: 0372.916.185  
Loại hình sản xuất - kinh doanh hiện nay: cơ sở nuôi gia công gà thịt  
Diện tích đất đai sản xuất: 3.000 m<sup>2</sup>  
Thửa đất số: 226 Tờ bản đồ số: 31  
Hình thức sử dụng: sử dụng riêng  
Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm  
Số lượng vật nuôi: 19.000 con gà  
Địa điểm sản xuất kinh doanh: ấp Dinh An xã An Phú Tân huyện Cầu Kè tỉnh  
Trà Vinh  
Vốn đầu tư: 3.000.000.000 đồng (ba tỉ đồng)  
Số dụng số lao động bình quân trong năm 05 người  
Giá trị sản lượng hàng hóa bình quân năm 3.040.000.000 đồng (ba tỉ không  
trăm bốn chục triệu đồng)  
(19.000 con gà \* 1 lượt nuôi \* 2kg/con \* 40.000 đồng/kg) \* 2  
Rất mong Ủy ban nhân dân xã xem xét và chấp nhận để hỗ trợ tiến hành xây  
dựng trang trại chăn nuôi gà tại địa điểm nêu trên.  
Chúng tôi cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ và quyền lợi của  
chủ trang trại.

Xác nhận của UBND xã



HU TỊCH

Chủ hộ

Lê Chi Hên

**II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**  
*1. Thừa đất:*

- a) *Thửa đất số 226* (tờ bản đồ số: 31,
  - b) Địa chỉ: ấp Đĩnh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh,
  - c) Diện tích: 4310.4m<sup>2</sup>, (tăng chế: bốn nghìn năm trăm mười phẩy bốn mét vuông),
  - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,
  - đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm,
  - e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 03/11/2065,
  - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.
2. *Nhà ở: -/-*
  3. *Công trình xây dựng khác: -/-*
  4. *Rong san xuất ra rừng trồng: -/-*
  5. *Cây lâu năm: -/-*
  6. *Chỉ chờ: -/-*

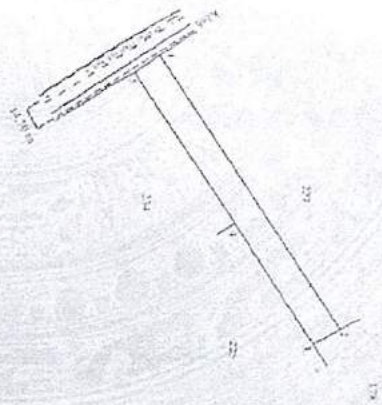
Trà Vinh, ngày 4/ tháng 5, năm 2022  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

TU. QU. GIÀM ĐỐC  
GIÀM ĐỐC VĂN PHÒNG DẠNG KỶ ĐẤT ĐẤT  
KT. GIÀM ĐỐC  
PHÓ GIÀM ĐỐC



*Chị Thành Ngon*

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	214
2-3	202
3-4	204
4-5	1700
5-1	2040

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 22.10.4056/2-2	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	04/10/2022 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA CÔNG GÀ THỊT  
LÊ CHÍ HÈN

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Kênh Nội Đồng

Địa chỉ/ Address : Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Loại mẫu/ Type of sample : Nước mặt

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NM.092602

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 26/09/2022

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 27/09/2022 – 03/10/2022

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

**Kết quả thử nghiệm/ Testing results**

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT, CỘT B <sub>1</sub>
1	pH	--	TCVN 6492:2011 <sup>(c)</sup>	7,29	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 <sup>(c)</sup>	34	50
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN 6001-1:2008 <sup>(c)</sup>	11	15
4	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017 <sup>(c)</sup>	21	30
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 <sup>(c)</sup>	0,427	0,9
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N	mg/L	TCVN 6180:1996 <sup>(c)</sup>	3,19	10
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P	mg/L	TCVN 6202:2008 <sup>(c)</sup>	0,106	0,3
8	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 <sup>(c)(x)</sup>	4.300	7.500

Ghi chú/ Note:  
(c) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.  
(x) Phương pháp đã được Việt công nhận (VLA-1.0596).  
KPH: Không phát hiện/ Not detected, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm  
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thủy



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.  
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT17.8	DI/SQ.0201	Ngày BH: 12/04/2019
<b>Ư SỞ CHÍNH</b> 520/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM 0949 825 262 duonghuynh.vimcerts241@gmail.com	<b>CHI NHÁNH NINH THUẬN</b> Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận duonghuynh.vimcerts241@gmail.com	<b>CHI NHÁNH HÀ NỘI</b> Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, O. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội duonghuynh.vimcerts241@gmail.com http://duonghuynhenv.vn



**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 22.10.4056/2-1	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	04/10/2022 Trang/Page:1/1
-----------------------	---	------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA CÔNG GÀ THỊT  
LÊ CHÍ HÈN

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực thực hiện dự án Cơ sở chăn nuôi gia công gà thịt  
Lê Chí Hèn

Địa chỉ/ Address : Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn & không khí xung quanh

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KX.092604

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 26/09/2022

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 27/09/2022 – 03/10/2022

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	57,4	≤70	-	-
2	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(*)	59,2	-	200	-
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(*)	68,6	-	350	-
4	CO	µg/m <sup>3</sup>	HDLM-KK01	HDPT-KK01(*)	3.750	-	30.000	-
5	H <sub>2</sub> S	µg/m <sup>3</sup>	MASA Method 701	MASA Method 701(*)	19,3	-	-	42
6	NH <sub>3</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995(*)	40,2	-	-	200

Ghi chú/ Note:

(\*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.  
KPH: Không phát hiện/ Not detected, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm  
The officer is in charge of the laboratory

*[Handwritten Signature]*

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Trưởng phòng  
Hoàng Thành

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./ Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
- Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./ This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-177.8	BHSD.02.01	Ngày BH: 12/04/2019
<b>TRỤ SỞ CHÍNH</b> 528/6A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM ☎ 0949 825 262 duonghuynh.vincerts241@gmail.com	<b>CHI NHÁNH NINH THUẬN</b> Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận duonghuynh.vincerts241@gmail.com	<b>CHI NHÁNH HÀ NỘI</b> Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội duonghuynh.vincerts241@gmail.com http://doinghuynhenv.vn



**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỖNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 22.10.4143/2-2	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> <b>TEST REPORT</b>	07/10/2022 Trang/Page:1/1
-----------------------	---	------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA CÔNG GÀ THỊT  
LÊ CHÍ HÊN

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Kênh Nội Đồng

Địa chỉ/ Address : Ấp Đình An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Loại mẫu/ Type of sample : Nước mặt

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NM.092902

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 29/09/2022

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 30/09/2022 – 06/10/2022

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT, CỘT B <sub>1</sub>
1	pH	--	TCVN 6492:2011 <sup>(*)</sup>	6,95	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2009 <sup>(*)</sup>	37	50
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN 6001-1:2008 <sup>(*)</sup>	13	15
4	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017 <sup>(*)</sup>	25	30
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 <sup>(*)</sup>	0,460	0,9
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N	mg/L	TCVN 6180:1996 <sup>(*)</sup>	3,52	10
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P	mg/L	TCVN 6202:2008 <sup>(*)</sup>	0,129	0,3
8	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 <sup>(**)</sup>	4.700	7.500

Ghi chú/ Note:  
 (\*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.  
 (\*\*) Phương pháp đã được Viện Công nghệ (LAT-1 0595)  
 KPH: Không phát hiện/ Not detected, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit

Phụ trách phòng thử nghiệm  
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thủy



Đỗ Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo/ Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.  
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh/ This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM91-QT7.8

BU5D-02/01

Ngày ĐTL: 12/04/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM  
 ☎ 0949 825 262  
 ✉ duonghuynh.vincerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

Số 73, Trưng Đình, P. Phước Mỹ,  
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
 ✉ duonghuynh.vincerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,  
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
 ✉ duonghuynh.vincerts241@gmail.com  
 🌐 http://duonghuynhenv.vn





**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỖNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số No: 22.10.4143/2-1	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	07/10/2022 Trung/Page:1/1
-----------------------	---	------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA CÔNG GÀ THỊT  
LÊ CHÍ HIÊN

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực thực hiện dự án Cơ sở chăn nuôi gia công gà thịt  
Lê Chí Hiên

Địa chỉ/ Address : Ấp Đình An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn & không khí xung quanh

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KX.092903

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 29/09/2022

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 30/09/2022 – 06/10/2022

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
1	Độ ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 <sup>(*)</sup>	55,2	≤70	-	-
2	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 <sup>(*)</sup>	48,7	-	200	-
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 <sup>(*)</sup>	56,6	-	350	-
4	CO	µg/m <sup>3</sup>	HDLM-KK01	HDPT-KK01 <sup>(*)</sup>	3.588	-	30.000	-
5	H <sub>2</sub> S	µg/m <sup>3</sup>	MASA Method 701	MASA Method 701 <sup>(*)</sup>	16,2	-	-	42
6	NH <sub>3</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995 <sup>(*)</sup>	33,4	-	-	200

Ghi chú/ Note  
(\*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE  
KPH: không phát hiện/ Not detected, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm  
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo/ Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement  
2. Không được sao chép kết quả này, nếu phải tái tạo toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh/ This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD



Số/No: 22.10.4245/2-2	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	11/10/2022 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA CÔNG GÀ THỊT  
LÊ CHÍ HÈN

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Kênh Nội Đồng

Địa chỉ/ Address : Ấp Đình An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Loại mẫu/ Type of sample : Nước mặt

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NM.100301

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 03/10/2022

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 04/10/2022 – 10/10/2022

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

**Kết quả thử nghiệm/ Testing results**

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT, CỘT B <sub>1</sub>
1	pH	--	TCVN 6492:2011 <sup>(*)</sup>	7,34	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 <sup>(*)</sup>	39	50
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	TCVN 6001-1:2008 <sup>(*)</sup>	12	15
4	COD	mg/L	SMEWW 5220B:2017 <sup>(*)</sup>	23	30
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 <sup>(*)</sup>	0,408	0,9
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/L	TCVN 6180:1996 <sup>(*)</sup>	2,96	10
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/L	TCVN 6202:2008 <sup>(*)</sup>	0,150	0,3
8	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 <sup>(*) (x)</sup>	4.000	7.500

Ghi chú: Note

(\*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(x) Phương pháp đã được Việt Nam nhận (VILAT-1.0526)

KPH: Không phát hiện/ Not detected, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit

Phụ trách phòng thử nghiệm  
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM/01/4/17 x

BHSD.02.01

Ngày BH: 12/01/2019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

529/SÁ Vườn Lái, P. An Phú Đông, Q.12, Tp HCM  
☎ 0949 825 282  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH NINH THUẬN**

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,  
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,  
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội  
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com  
☎ http://duonghuynhenv.vn



**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỖNH**  
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 22.10.4245/2-1	<b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</b>	11/10/2022 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CƠ SỞ CHĂN NUÔI GIA CÔNG GÀ THỊT LÊ CHÍ HÈN

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Khu vực thực hiện dự án Cơ sở chăn nuôi gia công gà thịt Lê Chí Hên

Địa chỉ/ Address : Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn & không khí xung quanh

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KX.100301

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 03/10/2022

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 04/10/2022 – 10/10/2022

Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 06:2009/ BTNMT
1	Độ ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 <sup>(*)</sup>	58,3	≤70	-	-
2	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009 <sup>(*)</sup>	61,4	-	200	-
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 <sup>(*)</sup>	70,5	-	350	-
4	CO	µg/m <sup>3</sup>	HDLM-KK01	HDPT-KK01 <sup>(*)</sup>	3.920	-	30.000	-
5	H <sub>2</sub> S	µg/m <sup>3</sup>	MASA Method 701	MASA Method 701 <sup>(*)</sup>	22,1	-	-	42
6	NH <sub>3</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995 <sup>(*)</sup>	47,3	-	-	200

GH: chữ K/xe  
(\*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.  
KPH: không phát hiện/ Not detected. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm  
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Đương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo/ Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.  
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh/ This result shall not be reproduced, copy or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM/QT/2

BH/SD 02/01

Ngày 10/12/2022

**TRỤ SỞ CHÍNH**

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM  
0949 825 262  
duonghuynh.vincarta241@gmail.com

**CHI NHÁNH BÌNH THUẬN**

Số 73, Trường Định, P. Phước Mỹ,  
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận  
duonghuynh.vincarta241@gmail.com

**CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,  
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. HÀ NỘI  
duonghuynh.vincarta241@gmail.com  
http://ckonghuynh.vn